TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HIỆP HÒA** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83 /2023/HNGĐ-ST
Ngày 28 tháng 11 năm 2023
Về việc *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Ngô Thanh Thuần

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Xuân Trường

2. Ông Bùi Thế Hanh

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Đoàn Thanh Hiệp- Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa: Ông Vi Đăng Khoa- Kiểm sát viên.

Trong ngày 28/11/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 333/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2023 về việc*"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 153/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Ng, sinh năm 1955 (Có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: thôn Mai H, xã Mai Đ, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

2. Bị đơn: Ông Lê Tuấn N- Sinh năm 1955 (Có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: thôn Mai H, xã Mai Đ, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 31/10/2023, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Hoàng Thị Ng trình bày:

Bà và ông Lê Tuấn N có được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mai Đ, huyện Hiệp Hòa năm 1974, tuy nhiên do thời gia đã lâu, nên không còn lữu giữ được giấy Chứng nhận kết hôn. Sau khi tổ chức lễ cưới thì bà về chung sống cùng ông Ngọc ngay, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn, đến năm 1977 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, bà chuyển ra ngoài sinh sống, vợ chồng sống ly thân với nhau từ năm 1977 cho đến nay và không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà xin được ly hôn với ông Lê Tuấn N.

Về con chung: Bà và ông Ngọc có 01 con chung Lê Thị Hoa, sinh ngày 22/5/1976, hiện con chung đã trưởng thành, đã lập gia đình. Do đó, bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung; ruộng đất, công sức: Bà xác định do thời gian sống chung cùng ông Ngọc thời gian ngắn, nên vợ chồng không có tài sản chung, bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

Vì lý do sức khỏe, bà có đơn xin vắng mặt khi hòa giải và xét xử.

*** Bị đơn là ông Lê Tuấn N trình bày:** Ông và bà Hoàng Thị Ng có được tự do tìm hiểu và Đăng ký kết hôn tại UBND xã Mai Đ theo quy định, tuy nhiên do thời gian đã lâu, ông không còn lữu giữ được giấy chwungs nhận kết hôn, gia đình hai bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Sau khi tổ chức lễ cưới thì bà Ngọc về chung sống cùng ông ngay, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, đến năm 1977 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau dẫn đến vợ chồng hay cãi nhau, Bà Ngâu chuyển ra ngoài sinh sống, vợ chồng sống ly thân với nhau từ năm 1977 cho đến nay và không còn quan tâm đến nhau nữa, đến nay ông thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà Hoàng Thị Ng xin ly hôn với ông thì ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Ngâu.

Về con chung: Ông và bà Ngâu có có 01 con chung Lê Thị Hoa, sinh ngày 22/5/1976, hiện con chung đã trưởng thành, đã lập gia đình. Do đó, ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông Ngọc xác định do vợ chồng chung sống cùng nhau trong một thời gia ngắn, nên chưa tạo dựng được tài sản gì chung, Toàn bộ tài sản do bà Ngâu đang quản lý sử dụng, đều là tài sản riêng của bà Ngâu, được hình thành sau khi giữa ông và bà Ngâu đã sống ly thân, ông không có đề nghị, đòi hỏi, yêu cầu gì về tài sản.

Về công nợ chung; Vợ chồng ông không nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về ruộng đất, công sức: Ông xã định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Vì lý do tuổi đã cao, sức khỏe, ông có đơn xin vắng mặt khi hòa giải và xét xử.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng các Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH ngày 09/6/2000 của Quốc Hội, mục 1 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001; Điều 28; Điều 35; Điều 39 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

- Về quan hệ vợ chồng: Bà Hoàng Thị Ng được ly hôn ông Lê Tuấn N.
- Về con chung: không yêu cầu giải quyết.
- Về tài sản, công nợ: không yêu cầu giải quyết.
- Về án phí: Miễn án phí sơ thẩm do bà Ngâu là người cao tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[**1]- Về việc vắng mặt đương sự tại phiên tòa:** Nguyên đơn là bà Hoàng Thị Ng và bị đơn là ông Lê Tuấn N đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt đối với các đương sự.

[2]- Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị Ng và ông Lê Tuấn N đều xác định vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mai Đ năm 1975. Tuy nhiên do thời gian đã lâu nên không còn giữ được giấy đăng ký kết hôn, tại biên bản xác minh tại địa phương và Giấy xác nhận của UBND xã Mai Đ xác nhận sổ sách theo dõi về việc kết hôn hiện không còn lưu giữ được, nên không thể xác định được việc ông Ngọc và bà Ngâu có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mai Đ hay không. Tuy nhiên qua xác minh thực tế tại địa phương và lời khai của các đương sự, giấy khai sinh của con Lê Thị Hoa – Sinh ngày 22/5/1976 thì có thể xác định được vợ chồng ông Ngọc và bà Ngâu đã chung sống với nhau từ trước năm 1987. Theo quy định tại khoản 1, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000) quy định về việc đăng ký kết hôn*: "Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý";* tuy nhiên tại điểm a, mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định như sau: *"a) Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03 tháng 01 năm 1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Toà án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000."* Tại mục 1 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 quy định: " *…trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987 (ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực) mà chưa đăng ký kết hôn, nếu một bên hoặc cả hai bên có yêu cầu ly hôn, thì Toà án thụ lý vụ án và áp dụng quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết vụ án ly hôn theo thủ tục chung*"

Đến trước thời điểm ngày 03/01/1987 thì bà Ngâu và ông Ngọc có đủ điều kiện để kết hôn, đã tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới; sau khi cưới đã chung sống với nhau như vợ chồng một thời gian dài, có con chung, đã thực sự xây dựng gia đình - là đáp ứng đầy đủ các điều kiện về hôn nhân thực tế được quy định tại điểm d mục 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội "về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000". Do đó, việc bà Ngâu, ông Ngọc tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau từ trước năm 1987 đến nay dù có đăng ký kết hôn hay không đăng ký kết hôn thì vẫn được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới vợ chồng về chung sống cùng nhau ngay, nhưng không hạnh phúc, phát sinh

mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng sống ly thân từ năm 1977 cho đến nay và không còn quan tâm đến nhau, bà Ngâu có đơn xin ly hôn, ông Ngọc đồng ý lý hôn theo yêu cầu của bà Ngâu. Do đó, có cơ sở để xác định hôn nhân giữa bà Ngâu và ông Ngọc không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, bà Ngâu yêu cầu ly hôn là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]- **Về con chung**: Cả bà Ngâu và ông Ngọc đều xác định, vợ chồng có 01 con chung Lê Thị Hoa, sinh ngày 22/5/1976, hiện con chung đã trưởng thành, đã lập gia đình. Do đó, bà Ngâu, ông Ngọc đều không đề nghị Tòa án giải quyết.

[4]- **Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng đất, công sức**: Cả bà Ngâu và ông Ngọc đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên không xét.

[5]- **Về án phí:** Miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm cho bà Hoàng Thị Ng, do thuộc đối tượng người cao tuổi.

[6]- **Về quyền kháng cáo:** các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngay nhận được tống đạt hợp lệ bản án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28; Điều 35; Điều 39 ;Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng điểm a, mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001;

Áp dụng Điều 12, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị Ng được ly hôn ông Lê Tuấn N.

2. Về án phí: Bà Hoàng Thị Ng thuộc đối tượng người cao tuổi nên được miễn án phí HNGĐ sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- CCTHADS huyện Hiệp Hòa;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã Mai Đ, huyện Hiệp Hòa;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Ngô Thanh Thuần